

Bản án số: 05/2026/KDTM-ST

Ngày: 29/04/2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng thi công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Hà
2. Bà Trần Thị Thu

- Thư ký Tòa án: bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký

Ngày 29 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại đã thụ lý số: 20/2025/TLST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2026/QĐXX-KDTM ngày 19 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 248/2026/QĐHPT-KDTM ngày 09 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty TNHH T (có mặt)

Địa chỉ: Số 472 Lê Văn Việt, Khu phố 4, p. Tăng Nhơn Phú, Tp Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Như T, sinh năm 1979

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Ngọc Thiên H, sinh năm 1994 (văn bản ủy quyền ngày 01/11/2025)

Địa chỉ: 340C/15 H, phường T, Tp Hồ Chí Minh

*** Bị đơn:** Công ty TNHH T (vắng mặt)

Địa chỉ: 31 T, Khu vực 1, phường B, Tp Cần Thơ

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 102C, đường T, phường B, Tp Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 20/01/2025, Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Kiến Quốc trình bày:*

Ngày 20/3/2024, Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Kiến Quốc (sau đây gọi tắt là Công ty Kiến Quốc) và Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty Việt Nhật Tây Đô) ký Hợp đồng kinh tế số 2003/HĐKT/VN-KQ về việc thi công hạng mục nền đất yếu bằng cọc xi măng đất cho Dự án thành phần đoạn Cần Thơ – Hậu Giang thuộc Dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025.

Theo hợp đồng, tổng giá trị tạm tính là 6.266.380.000 đồng; thời gian thực hiện hợp đồng là 04 tháng; bị đơn có nghĩa vụ cung cấp vật tư xi măng đầy đủ, kịp thời, bàn giao mặt bằng thi công đúng tiến độ và thanh toán cho nguyên đơn theo các đợt nghiệm thu.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã huy động nhân lực, máy móc, thiết bị và tổ chức thi công theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, bị đơn nhiều lần vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, cụ thể: Không cung cấp đầy đủ và kịp thời xi măng phục vụ thi công, không bàn giao mặt bằng thi công đúng tiến độ, chậm thanh toán nhiều đợt nghiệm thu mặc dù nguyên đơn đã hoàn thành khối lượng công việc được xác nhận.

Ngày 27/8/2024, các bên lập Biên bản xác nhận nợ, theo đó bị đơn xác nhận còn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 745.739.643 đồng. Sau đó bị đơn tiếp tục thanh toán một phần, đến ngày 14/01/2025 còn nợ số tiền 295.739.643 đồng.

Nguyên đơn nhiều lần gửi văn bản, liên hệ yêu cầu thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện. Do bị đơn vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ cung cấp vật tư và bàn giao mặt bằng, làm ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thi công, phát sinh thiệt hại cho nguyên đơn và làm mục đích của hợp đồng không đạt được, nguyên đơn yêu cầu chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 2003/HĐKT/VN-KQ ngày 20/3/2024, buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ còn lại là 295.739.643 đồng, buộc bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán là

35.488.757 đồng, buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính đến ngày 01/11/2025 là 33.787.241 đồng. Tổng là 365.015.641 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 2003/HĐKT/VN-KQ ngày 20/3/2024, buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 295.739.643 đồng, rút lại yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán, buộc trả tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền nợ gốc 295.739.643 đồng, tính từ ngày 13/10/2025 đến ngày 29/4/2026 theo mức lãi suất 10%/năm, số tiền là 16.041.658 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tố tụng:

Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 2003/HĐKT/VN-KQ ngày 20/3/2024 được ký kết nhằm mục đích lợi nhuận giữa hai doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh hợp pháp nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng thi công xây dựng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng thi công” và bị đơn có trụ sở công ty tại phường Bình Thủy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự..

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng kinh tế số 2003/HĐKT/VN-KQ ngày 20/3/2024 được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật nên có hiệu lực bắt buộc đối với các bên.

Xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng, phụ lục hợp đồng thể hiện nguyên đơn đã triển khai thi công, thực hiện khối lượng công việc

theo hợp đồng. Ngày 27/8/2024 các bên đã lập Biên bản xác nhận nợ, trong đó bị đơn xác nhận còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 745.739.643 đồng. Sau khi đối trừ các khoản thanh toán, đến ngày 14/01/2025 bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền 295.739.643 đồng.

Ngoài việc chậm thanh toán, bị đơn còn không cung cấp đầy đủ vật tư xi măng và không bàn giao mặt bằng đúng tiến độ làm ảnh hưởng đến quá trình thi công của nguyên đơn. Đây là những nghĩa vụ cơ bản đã được các bên thỏa thuận tại Điều 7 trong hợp đồng.

Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ nhưng bị đơn không khắc phục vi phạm, không thanh toán công nợ còn lại, không tham gia làm việc tại Tòa án và cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi chậm thanh toán kéo dài, không thực hiện nghĩa vụ cung cấp vật tư và bàn giao mặt bằng của bị đơn là hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thỏa thuận tại Điều 7 của hợp đồng, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, làm cho mục đích của việc giao kết hợp đồng không đạt được.

Theo Điều 9 của hợp đồng, quy định Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015, một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 2003/HĐKT/VN-KQ ngày 20/3/2024.

[2.2] Đối với số tiền nợ còn lại 295.739.643 đồng, đây là khoản nợ đã được các bên xác nhận và bị đơn không chứng minh đã thanh toán xong nên cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc trả tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền nợ gốc 295.739.643 đồng, tính từ ngày 13/10/2025 đến ngày 29/4/2026 theo mức lãi suất 10%/năm, số tiền là 16.041.658 đồng thì xét thấy các bên có thỏa thuận trong hợp đồng về trách nhiệm do chậm thanh toán tại Điều 14 của hợp đồng, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 300, Điều 301, Điều 306 Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[2.4] Đối với việc nguyên đơn rút lại yêu cầu tiền phạt vi phạm hợp đồng là tự nguyện nên ghi nhận.

[3] Về án phí

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điều 5; Khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 351, 357, 428, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 300, 301, 306 Luật Thương mại;

- Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 2003/HĐKT/VN-KQ ngày 20/3/2024 giữa Công ty TNHH T và Công ty TNHH T.

Buộc Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền tính đến ngày 29/4/2026 là **311.781.301** đồng (bao gồm nợ gốc là 295.739.643 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 16.041.658 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa số tiền 311.781.301 đồng thì còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về phạt vi phạm hợp đồng là 35.488.757 đồng.

2. Về án phí:

Bị đơn phải chịu 15.589.065 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 9.125.391 đồng theo biên lai số 0012031 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TPCT;
- VKSND KV2-CT;
- Cơ quan THADS TPCT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thanh Thái